**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

## 1. Ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì 2 môn Khoa học tự nhiên,

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa kì 2 khi kết thúc nội dung: Từ tuần 19 đến tuần 26*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1. Mở đầu. *(3 tiết)* |  | 2  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **0,5** |
| 2. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống*.(8 tiết)* |  | 2  (0,5) | 1  (1,0) | 4  (1,0) |  |  |  |  | **1** | **6** | **2,5** |
| 3. Từ tế bào đến cơ thể.  *(5 tiết)* |  |  |  |  | 1  (2,0) |  |  |  | **1** |  | **2,0** |
| 4. Sự đa dạng của chất.  *(2 tiết)* |  | 3  (0,75) |  |  |  |  | 1  (1,0) |  | **1** | **3** | **1,75** |
| 5. Các thể của chất và sự chuyển thể. *(2 tiết)* |  |  |  | 2  (0,5) |  |  |  |  |  | **2** | **0,5** |
| 6. Oxygen – Không khí  *(3 tiết)* |  | 1  (0,25) |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **0,25** |
| 7. Giới thiệu về khoa học tự nhiên |  |  |  | 2  (0,5) |  |  |  |  |  | **2** | **0,5** |
| 8. An toàn trong phòng thực hành | 1  (1,0) |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  | **1,0** |
| 9. Đo chiều dài | 1  (1,0) |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  | **1,0** |
| **Số câu** | 2 | 8 | 1 | 8 | 1 | 0 | 1 | **0** | **5** | **16** |  |
| **Điểm số** | **2** | **2** | **1** | **2** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6** | **4** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0** | | **3,0** | | **2,0** | | **1,0** | | **10** | | **10** |

**B) BẢNG ĐẶC TẢ** **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | | |
| TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) | TL  (Số ý) | | TN  ( Số câu) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1. Mở đầu (3 tiết)** | | | | | | | |  | **Nhận biết** | - Nêu cách sử dụng kính lúp  - Nhận biết kính lúp thông dụng |  | 2 |  | C1,2 | | **2. Tế bào (8 tiết)** | | | | | | | |  | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm tế bào.  - Nêu được chức năng của tế bào.  - Nêu vai trò của thành tế bào  - Nêu chức năng của nhân  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Nêu ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào |  | 6 |  | C3,4,5,6,7,8 | | **Thông hiểu** | - Nêu ý nghĩa của sự sinh sản tế bào | 1 |  | C1 |  | | **3.Từ tế bào đến cơ thể** | | | | | | | |  | **Vận dụng thấp** | - Kể tên vật sống, vật không sống  - Đặc điểm nhận biết vật sống, vật không sống | 2 |  | C2 |  | | | | | | | | |
| **4.Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (6 tiết)** | | | | | |  |  |
| 1. Sự đa dạng của chất | **Nhận biết** | - Trình bày được một số tính chất của chất. |  | 2 |  | | C11,13 |
| **Thông hiểu** | - Thực hiện được các kĩ năng tiến trình suy luận các loại vật thể.  - Nhận xét được một số tính chất của chất . |  | 1 |  | | C14 |
| **Vận dụng** | - Đưa ra được một số ví dụ của vật thể và tính chất của chúng. |  |  |  | |  |
| 2. Các thể của chất và sự chuyển thể. | **Nhận biết** | – Trình bày và đưa được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản của ba thể chất. |  | 1 |  | | C9 |
| **Thông hiểu** | - Nhận định được các sự chuyển thể của chất: sự hoá hơi, sự ngưng tụ, sự nóng chảy và sự đông đặc. |  | 1 |  | | C12 |
| **Vận dụng** | - Dự đoán được các quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất.  - Ghi lại nhiệt độ và thể của chất trong quá trình thí nghiệm. | 1 |  | C1 | |  |
| 3. Oxygen – Không khí | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen và tầm quan trọng của oxygen.  - Thành phần của không khí. |  | 1 |  | | C10 |
| **Vận dụng** | - Giải thích được những việc cần sử dụng oxygen trong đời sống. |  |  |  | |  |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **5. Giới thiệu về khoa học tự nhiên (2 tiết)** | | |  | 2 |  | C15,16 | |  | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  |  |  |  | | - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | **1** |  | C15 | | **Thông hiểu** | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | **1** |  | C16 | | - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  | | **6. An toàn trong phòng thực hành (2 tiết)** | | |  |  |  |  | |  | **Nhận biết** | - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. | 1 |  | C3 |  | |  | **Thông hiểu** | - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  | | - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. | | **7. Đo chiều dài (3 tiết)** | | |  |  |  |  | |  | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. | 1 |  | C4 |  | | - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  | | - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  | |  | **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  | |  | **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. |  |  |  |  | | - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  | | - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  | |  | **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY **TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: KHTN – Lớp 6**  *Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Họ và tên:…………………………………..………Lớp:……...SBD:……..**

**I.** **TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** (4,0 điểm)

***Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau rồi ghi vào giấy làm bài.*** *Ví dụ: Câu 1 chọn câu trả lời A thì ghi 1-A.*

**Câu 1: Khi sử dụng kính lúp để quan sát, để việc quan sát vật được thuận lợi ta cần điều chỉnh:**

A. Vị trí của vật.

B. Vị trí của mắt.

C. Vị trí của kính.

D. Vị trí của vật, vị trí của kính, vị trí của mắt.

**Câu 2: Có những loại kính lúp thông dụng nào?**

A. Kính lúp cầm tay.

B. Kính lúp để bàn có đèn.

C. Kính lúp đeo mắt .

D. Kính lúp cầm tay, kính lúp để bàn, kính lúp đeo mắt.

**Câu 3: Nhân hoặc vùng nhân của tế bào có chức năng gì?**

A. Tham gia trao đổi chất với môi trường.

B. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.

C. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

D. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào.

**Câu 4: Thành tế bào ở thực vật có vai trò gì?**

A. Tham gia trao đổi chất với môi trường.

B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

C. Quy định hình dạng và bảo vệ tế bào.

D. Tham gia cấu tạo hệ thống nội màng.

**Câu 5: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?**

A. Tăng kích thước của cơ thể sinh vật.

B. Khiến cho sinh vật già đi.

C. Tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương.

D. Ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể.

**Câu 6: Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình nào?**

A. Sinh trưởng.                B. Sinh sản. C. Thay thế.                   D. Chết.

**Câu 7: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?**

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Câu 8: Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?**

A. Mô                    B. Tế bào               C. Biểu bì                       D. Bào quan

**Câu 9: Thế nào là sự sôi?**

A. Là trường hợp đặc biệt của sự bay hơi, quá trình bay hơi bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên mặt thoáng của chất lỏng.

B. Là trường hợp đặc biệt của sự nóng chảy, quá trình bay hơi bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên mặt thoáng của chất lỏng.

C. Là trường hợp đặc biệt của sự đông đặc, quá trình bay hơi bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên mặt thoáng của chất lỏng.

D. Là trường hợp đặc biệt của sự ngưng tụ, quá trình bay hơi bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên mặt thoáng của chất lỏng.

**Câu 10: Khí nào dưới đây giúp duy trì sự cháy trên Trái đất?**

A. Nitrogen. B. Oxygen. C. Carbon dioxide. D. Hydrogen.

**Câu 11: Cho các vật sau: máy bay, ô tô, cây mía, con suối, con trâu, bóng đèn, bút bi. Có bao nhiêu vật thể nhân tạo?**

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 12: Sau cơn mưa và trời có nắng lên, sân trường khô thoáng trở lại. Quá trình chuyển thể này được gọi là:**

A. quá trình nóng chảy. B. quá trình đông đặc.

C. quá trình bay hơi. D. quá trình ngưng tụ.

**Câu 13: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lí của chất?**

A. Sắt (Iron) bị nam châm hút.

B. Đốt rác sinh ra khói, bụi gây ô nhiễm môi trường.

C. Thức ăn để lâu ngày bị ôi thiu.

D. Sắt, thép để lâu bị gỉ sét.

**Câu 14: Hãy phân biệt chất và vật thể trong các từ in nghiêng của câu sau: *Dây điện* được là bằng *đồng*, *vỏ cách điện* được làm bằng *cao su*.**

A. chất là đồng và dây điện, vật thể là cao su và vỏ cách điện.

B. chất là dây điện và cao su, vật thể là vỏ cách điện và đồng.

C. chất là dây điện và vỏ cách điện, vật thể là đồng và cao su.

D. chất là đồng và cao su, vật thể là dây diện và vỏ cách điện.

**Câu 15: Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của khoa học tự nhiên là gì?**

A. Sinh học, hóa học.

B. Sinh học, hóa học, vật lí.

C. Sinh học, hóa học, vật lí học, khoa học Trái Đất.

D. Sinh học, hóa học, vật lí học, khoa học Trái Đất và thiên văn học.

**Câu 16: Vai trò nào sau đây không phải của khoa học tự nhiên?**

A. Nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên.

B. Ứng dụng công nghệ vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.

C. Ứng dụng trong vũ trụ.

D. Chăm sóc sức khỏe con người.

**II. TỰ LUẬN** (6,0 điểm)

**Câu 1:** (1,0 điểm)

**Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?**

**Câu 2:** (2,0 điểm)

Kể tên vật sống và vật không sống mà em biết. Những đặc điểm nào giúp em nhận ra vật sống và vật không sống?

**Câu 3:** (1,0 điểm)

Nghề làm muối ở Việt Nam ta, người ta chủ yếu dựa vào ánh nắng mặt trời và gió.

a, Hai yếu tố này giúp ích gì cho việc thu hoạch muối?

b, Quá trình nào xảy ra khi thu hoạch muối?

**Câu 4:** (1,0 điểm)

Em hãy nêu các quy an toàn trong phòng thực hành?

**Câu 5:** (1,0 điểm)

Hãy nêu đơn vị đo và các dụng cụ thường dùng để đo chiều dài?

**---Hết---**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT NAM TRÀ MY  **TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG** | **ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 -2023**  **MÔN: KHTN – Lớp 6** |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | D | D | B | C | C | B | C | B | A | B | D | C | A | D | D | C |

**II. TỰ LUẬN** (6,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(1,0 điểm)** | \*Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa:  - Sự sinh sản của tế bào làm tăng số lượng tế bào trong cơ thể → - Sự sinh sản tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.  - Sự sinh sản của tế bào tạo ra các tế bào mới thay thế cho các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật. | 0,5  0,5 |
| **2**  **(2,0 điểm)** | - Ví dụ vật sống: em bé, cây gỗ, hoa mai,…  - Ví dụ vật không sống: cái bàn, ghế, hàng rào,…  - Những đặc điểm nhận ra một vật sống là các cá thể sẽ diễn ra các hoạt động sống cơ bản như cảm ứng, dinh dưỡng, sinh | 0.5  0.5  0,5 |
| **3**  **(1,0 điểm)** | a, Hai yếu tố này giúp cho việc nước biển bay hơi nhanh chóng để thu được muối tốt hơn.  b, Quá trình bay hơi xảy ra khi thu hoạch muối. | 0,5  0,5 |
| **4**  **(1,0 điểm)** | - Mặc trang phục gọn gàng, đeo găng tay, khẩu trang.  - Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có hướng dẫn của giáo viên.  - Không an uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm; không nếm, thử hoặc ngửi hóa chất.  - Dọn dẹp, sắp xếp thiết bị để lại đúng nơi quy định sau khi làm thí nghiệm. Bỏ chất thải thí nghiệm vào đúng nơi quy định. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **5**  **(1,0 điểm)** | - Trong hệ đơn vị đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị độ dài là mét, kí hiệu là m.  - Để đo chiều dài có thể sử dụng thước thẳng, thước dây, thước cuộn,… | 0,5  0,5 |

**Người ra đề Duyệt của tổ chuyên môn Duyệt của HĐDĐ**